TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 -CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2026/DS-ST
Ngày 20-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Đang

2. Bà Ngô Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13- Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Dương Công Trấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 13- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 481/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; địa chỉ: khu V, phường L, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T2 (tên gọi khác: Trần Văn T3), sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 30/5/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có cho bị đơn ông Trần Văn T2 (tên thường gọi là Trần Văn T3) vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng (tương đương 5%/tháng), mục đích vay để mua máy cuốc đất, thời hạn vay 03 tháng, có làm biên nhận vay. Nhưng kể từ khi vay đến nay, bị đơn chưa trả vốn và lãi cho nguyên đơn. Nguyên đơn cũng đã nhiều lần liên hệ bị đơn yêu cầu trả tiền nhưng bị đơn cố tình tránh né. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 30/5/2023 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Trần Văn T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bị đơn trả 70.000.000 đồng tiền lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả tiền vay và tiền lãi phát sinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Trần Văn T2 có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về chứng cứ: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã xuất trình chứng cứ là bản gốc "BIÊN NHẬN" ngày 30/5/2023. Chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho bị đơn Trần Văn T2 được biết. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh và dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[4.2] Về nghĩa vụ trả nợ gốc: Căn cứ Biên nhận ngày 30/5/2023 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn đã giao đủ số tiền vay 200.000.000 đồng cho bị đơn, có thỏa thuận trả lãi; thời hạn vay là 03 (ba) tháng, tuy nhiên Biên nhận không thể hiện nội dung này, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung thỏa thuận thời hạn vay. Do đó, chỉ có cơ sở xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản có lãi không kỳ hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Trong vụ án này, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn đã nhận đủ tiền vay nhưng đến nay chưa trả cho nguyên đơn, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

[4.3] Về tiền lãi: Biên nhận thể hiện lãi suất thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng đối với khoản vay 200.000.000 đồng, tương đương 5%/tháng (60%/năm). Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất này là vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần điều chỉnh lại mức lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) của khoản tiền vay. Tiền lãi cụ thể được tính từ ngày vay 30/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/4/2026 (02 năm 10 tháng 21 ngày) trên số nợ gốc 200.000.000 đồng là 115.204.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 70.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó: tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 70.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

Buộc bị đơn ông Trần Văn T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh T tổng số tiền là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó: tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13- Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thanh Ngân